

Bản án số: **131/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 03/7/2018
V/v “Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài;
2. Bà Phạm Thị Như Sứy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp về ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Công T, sinh năm 1962.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Quế X, huyện Quế S, tỉnh Q.

Ông T có mặt. Bà T vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2018, bản tự khai, tại các phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – ông Đoàn Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Nguyễn Thị T tổ chức kết hôn vào năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống cuộc

sống gia đình không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bà T và các con ông đánh đập ông nhiều lần. Ông và bà T đã sống ly thân hơn một năm nay. Đến nay, ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với bà T được nữa nên yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 05 con chung tên là Đoàn Công Th, sinh năm 1985; Đoàn Công N, sinh năm 1991; Đoàn Thị D, sinh năm 1992; Đoàn Công S, sinh ngày 13/9/2000 và Đoàn Công Đ, sinh ngày 24/01/2005. Các cháu Th, N và D đều đã thành niên, có khả năng lao động và đã lập gia đình riêng nên ông không yêu cầu giải quyết. Đối với hai cháu S, Đ hiện đang ở với mẹ nên ông thống nhất giao hai cháu cho bà T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà T tiếp tục vắng mặt nên ông có nguyện vọng được nuôi cháu Đoàn Công Đ và giao cháu Đoàn Công S cho bà T nuôi dưỡng vì hiện nay cháu S mặc dù chưa đủ tuổi thành niên nhưng đã tự lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại các phiên hòa giải ngày 13/3/2018 và ngày 20/3/2018, bị đơn – bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đoàn Công T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà không làm điều gì sai trái với ông T. Nhưng ông T theo người phụ nữ khác, cờ bạc, rượu chè về quậy phá đập đồ trong nhà nhiều lần. Bà không có đánh ông T. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý.

Về con chung: Bà và ông T có 05 con chung tên là: Đoàn Công Th, sinh năm 1985; Đoàn Công N, sinh năm 1991; Đoàn Thị D, sinh năm 1992; Đoàn Công S, sinh ngày 13/9/2000 và Đoàn Công Đ, sinh ngày 24/01/2005. Các cháu Th, N và D đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn, vì nguyện vọng của hai cháu S và Đ đều muốn ở với bà nên bà nhận nuôi hai cháu, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại phiên hòa giải ngày 04 tháng 5 năm 2018 và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đoàn Công T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bị đơn – bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đoàn Công T có quan hệ hôn nhân thực tế với bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn T, xã Quế X, huyện Quế S, tỉnh Q. Nay, ông T khởi kiện xin ly hôn với bà T, nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Đoàn Công T và bà Nguyễn Thị T được xác lập năm 1980, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối nhưng không có đăng ký kết hôn; đây là hôn nhân thực tế nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống, ông T và bà T đã phát sinh mâu thuẫn, ông T cho rằng bà T và các con ông đánh đập ông nhiều lần, hiện ông đã về nhà cha ruột ông sinh sống hơn một năm nay và không còn tình cảm gì với bà T. Phía bà T lại cho rằng bà không làm gì sai trái với ông T, mà do ông T theo người phụ nữ khác, cờ bạc và rượu chè về quậy phá, đập đồ trong nhà nhiều lần. Mặc dù đã được phân tích, giải thích chính sách pháp luật và hoà giải nhưng ông T kiên quyết ly hôn còn bà T thì yêu cầu cho đoàn tụ. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải lần thứ 3 và tại các phiên tòa bà T đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của ông T và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không đạt được và tại phiên tòa, ông T vẫn cương quyết xin ly hôn, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[4]. Về con chung: Ông T và bà T đều thừa nhận có năm người gồm: Đoàn Công Th, sinh năm 1985; Đoàn Công N, sinh năm 1991; Đoàn Thị D, sinh năm 1992; Đoàn Công S, sinh ngày 13/9/2000 và Đoàn Công Đ, sinh ngày 24/01/2005. Xét thấy hiện nay ba cháu là Đoàn Công Th, Đoàn Công N và Đoàn Thị D đã thành niên (*trên 18 tuổi*), không bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không mất khả năng lao động nên không cần người trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng hai cháu Đoàn Công S, Đoàn Công Đ hiện nay đang ở với bà T, hai cháu đều có nguyện vọng khi ba mẹ ly hôn là được sống với bà T. Qua các phiên hòa giải, bà T muốn nhận nuôi cháu S và giao cháu Đ cho ông T nuôi dưỡng nhưng

vì cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với bà nên bà nhận nuôi cả hai cháu S, Đ và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; tuy nhiên, qua hai lần xét xử bà T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông T có nguyện vọng được nuôi cháu Đoàn Công Đ và giao cháu Đoàn Công S cho bà T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông T phù hợp với mong muốn ban đầu của bà T nên cần chấp nhận giao cháu Đ cho ông T và giao cháu S cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông T, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở phù hợp với Điều 92 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Đoàn Công T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Công T về việc "Ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đoàn Công T và bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Công S, sinh ngày 13/9/2000 cho bà Nguyễn Thị T và giao cháu Đoàn Công Đ, sinh ngày 24/01/2005 cho ông Đoàn Công T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông T, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Đoàn Công T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006609 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phụng

